

của sản xuất và đời sống trong tỉnh. Chúng tôi đã đưa kế hoạch khoa học - kỹ thuật vào hệ thống kế hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh để xây dựng và giao cho chỉ tiêu kế hoạch cho các ngành, các cấp thực hiện. Các ngành, các cấp đã và đang triển khai thực hiện kế hoạch khoa học - kỹ thuật như đối với các kế hoạch khác. Đây là bước tiến có ý nghĩa tích cực nhất trong hoạt động quản lý khoa học và kỹ thuật của tỉnh chúng tôi.

2. Xây dựng cơ sở pháp lý, quy chế hóa các hoạt động khoa học và kỹ thuật để làm cho quản lý khoa học và kỹ thuật thật sự có hiệu lực tác động lên mọi hoạt động sản xuất, lưu thông phân phối, đời sống. Chúng tôi đã có những văn bản, những quyết định về việc xây dựng kế hoạch kỹ thuật, về quy chế báo cáo hoạt động khoa học - kỹ thuật, về bố trí cán bộ phụ trách theo dõi hoạt động khoa học - kỹ thuật...

3. Nhanh chóng ứng dụng những thành tựu khoa học và những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống chúng tôi đã thường xuyên chỉ đạo các ngành, các đơn vị cơ sở coi trọng những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật đã đạt được, tổ chức tổng kết chuyên đề, tham quan học tập, rút ra những kết luận để nhanh chóng đưa vào thử nghiệm thích nghi, tạo điều kiện mở rộng đại trà. Chúng tôi coi đó là những điều kiện quan trọng để phát triển các mặt hoạt động khoa học - kỹ thuật, đưa cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trở thành vị trí then chốt

trong 3 cuộc cách mạng trên mọi lĩnh vực hoạt động của giai đoạn cách mạng hiện nay.

... Một tỉnh chỉ mới có 5 - 6 năm hoạt động về mặt quản lý khoa học - kỹ thuật không thể nào tránh khỏi những non yếu, cả về nội dung và phương thức, trong lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện. Chúng tôi còn lúng túng trong việc hướng dẫn hoạt động khoa học - kỹ thuật vào phục vụ sản xuất một cách có hiệu quả cao hơn, rộng khắp hơn nhằm đưa nhanh thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Trách nhiệm đảm bảo thực hiện chính sách Nhà nước thống nhất trong lĩnh vực tiến bộ khoa học - kỹ thuật, sử dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật trong nền kinh tế quốc doanh phù hợp với các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và chính phủ chưa triệt để.

Chúng tôi cũng còn nhiều bỡ ngỡ trong giải quyết xử lý mối quan hệ trong hệ thống quản lý khoa học - kỹ thuật từ tỉnh đến cơ sở, mối quan hệ về quản lý khoa học - kỹ thuật cũng như hoạt động khoa học - kỹ thuật giữa trung ương và địa phương, giữa ngành và lãnh thổ. Chúng tôi cũng đang vướng mắc về cơ chế tổ chức nghiên cứu khoa học và kỹ thuật trên địa bàn tỉnh, huyện, nhất là tổ chức quản lý khoa học - kỹ thuật trên địa bàn huyện, trong tổ chức xây dựng các vấn đề khoa học - kỹ thuật liên ngành, trong tổ chức xây dựng và chỉ đạo các chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật, trong việc kiểm tra các áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật trong kinh tế quốc doanh.

Một năm thực hiện Nghị quyết Bộ chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật ở các tỉnh và thành phố

(Tiếp theo trang 25)

của địa phương, phối hợp với các ngành trung ương và các địa phương trong vùng mà xây dựng kế hoạch đưa tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

b) Cần kiểm kê, xây dựng lại quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật của địa phương.

c) củng cố, tăng cường, bố trí lại hệ thống trạm, trại, nghiên cứu, thực nghiệm, hệ thống đào tạo ở địa phương trên cơ sở các mục tiêu, chương trình nghiên cứu và chương trình đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đã được duyệt.

d) Tăng cường công tác quản lý khoa học và kỹ thuật ở địa phương, muốn vậy phải củng

cố ban khoa giáo và ban (hoặc ủy ban) khoa học và kỹ thuật các tỉnh và thành phố đủ mạnh để làm tham mưu cho cho cấp ủy Đảng và chính quyền của địa phương.

Một năm, thời gian chưa dài lắm để chúng ta thực hiện đầy đủ Nghị quyết Bộ chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật. Tuy việc làm chưa được nhiều, nhưng bước đầu cũng đã tích lũy được một số kinh nghiệm quý, các cấp ủy Đảng địa phương cần tăng cường lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa, đúng đắn hơn nữa để đưa hoạt động khoa học và kỹ thuật góp phần đắc lực giải quyết những khó khăn về kinh tế, xã hội, thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ năm.

Trả lời phỏng vấn

của Tạp chí hoạt động khoa học

VĂN TUẤN

HỎI: Nhân dịp Ban khoa học và kỹ thuật thành phố Hải Phòng được nhận cờ thi đua khá nhất và bằng khen của Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Tạp chí hoạt động khoa học xin trân trọng đề nghị đồng chí cho biết tóm tắt những thành tích của Ban trong năm 1981 và những bài học kinh nghiệm quan trọng nhất trong việc tổ chức và hoạt động quản lý khoa học kỹ thuật (KHKT) ở địa phương đồng chí.

TRẢ LỜI: Dưới sự lãnh đạo của thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, được sự giúp đỡ của Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước, trong năm 1981 Ban khoa học và kỹ thuật Hải Phòng đã đạt được một số kết quả trong công tác như sau:

Trước hết Ban đã điều hòa, kết phối hợp các ngành, các cơ sở sản xuất của địa phương, tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành, các vụ, viện, các trường đại học trung ương, quy tụ các lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân giỏi nghề về một mối, tập trung công tác khoa học góp phần giải quyết một số vấn đề chính của sản xuất và đời sống. Trong năm 1981, Hải Phòng đã triển khai 239 đề tài nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, trong đó có 40 đề tài xây dựng tiêu chuẩn. Có đề tài hoàn thành trong một năm, có đề tài tiến hành trong nhiều năm. Nhiều đề tài đã hoàn thành và tổng kết như: xây dựng hệ thống sấy cói; tập đoàn các giống lúa chịu mặn; xây dựng tập tài liệu về địa lý tự nhiên Hải Phòng. Đã đưa nhiều tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất như: ứng dụng rộng rãi 3 giống lúa mới chịu chua mặn (B9C, 2151, 2153) trên các chân ruộng ở cả 7 huyện của Hải Phòng với trên 1000 ha trong vụ đông xuân đạt năng suất 30 - 35 tạ/ha. Phổ biến rộng rãi một số giống khoai lang ngắn ngày vụ đông như Hoàng Long, chum dẫu, đông tiến, bí... Trong chăn nuôi đã ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về môi trường pha loãng bảo tồn tinh

kết hợp với biện pháp «hòm thư báo tinh» và các kỹ thuật dẫn tinh, phối tinh. Tỷ lệ lợn lai kinh tế huyện Tiên Lãng đạt trên 70%, trọng lượng lợn xuất chuồng bình quân toàn thành 57 kg/con. Trong ngành thủy sản đã ứng dụng kỹ thuật khai thác cá bằng lưới rê trên tàu 23 - 33 sức ngựa, bình quân năng suất đạt 5 - 6 tấn/1 lao động, khai thác tôm bằng lưới kéo tôm 2 ván trên tàu 23 - 33 sức ngựa, bình quân 1 mẻ lưới đạt 15 kg tôm. Đã ứng dụng kết quả lai tạo cá chép Hưng Việt trong nuôi cá thịt tại các ao hồ nước lợ, nuôi cá rô phi vằn. Trong ngành giao thông vận tải sử dụng phương pháp bê tông dự ứng lực xây dựng cầu Niệm và cầu Rào; xây dựng và đưa vào sản xuất kế triệu đả của xí nghiệp chữa tàu thủy. Ngành xây dựng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về thiết bị đóng cọc cát, xử lý nền đất yếu; ứng dụng phương pháp đo và vẽ bản đồ từ ảnh máy bay để xây dựng bản đồ của thành phố. Ngành công nghiệp đã sản xuất các thiết bị chế biến cà phê, bi xe cải tiến, Clê ống xuất khẩu, phục hồi và chế tạo dũa, công cụ cầm tay (cuốc, xẻng) bằng gia công rèn đập cơ khí hàng loạt.

Về quản lý kỹ thuật, năm 1981 Hải Phòng đã xây dựng và ban hành 18 tiêu chuẩn địa phương, chỉ đạo áp dụng vào sản xuất 740 tiêu chuẩn và quy phạm Nhà nước, 132 tiêu chuẩn và quy phạm ngành, 95 tiêu chuẩn địa phương và 289 tiêu chuẩn xí nghiệp. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm đã được kế hoạch hóa ở 3 cấp cơ bản: thành phố, ngành và cơ sở sản xuất cho tất cả các sản phẩm chính ghi trong kế hoạch Nhà nước. Hệ thống quản lý chất lượng đã được xây dựng từ cơ sở lên thành. Chất lượng các mặt hàng truyền thống được giữ vững như nước mắm Cát Hải, mì sợi, bánh kẹo, nước chấm, đậu phụ, rượu, gạch ngói An Hồng, Quỳnh Cừ, Vĩnh Bảo, thảm len, thảm cói, giấy dếp, gấm thêu, lông vịt, sơn dầu bàn ghế học sinh, giấy

viết... Công tác quản lý đo lường bước đầu phát triển sang khu vực nông nghiệp. Công tác sáng kiến đã đi vào giải quyết một số khâu yếu nhất trong sản xuất. Việc chỉ đạo áp dụng sáng kiến vào sản xuất được coi trọng. Trên 70% số sáng kiến được áp dụng vào sản xuất. Công tác thông tin khoa học kỹ thuật trong điều kiện có nhiều khó khăn về giấy đã có nhiều hình thức sáng tạo đi sâu xuống cơ sở phục vụ.

Chúng tôi có thể rút ra một số kinh nghiệm:

1. Ngay từ đầu năm 1981 chúng tôi đã quán triệt trong tất cả cán bộ nòng cốt của Ban về phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch chính của địa phương từ đó thảo luận rút ra những nhiệm vụ của Ban và tập trung chỉ đạo dứt điểm từng vấn đề và bám sát tiến độ thực hiện.

2. Chúng tôi đặt mối quan hệ mật thiết với các ngành và đoàn thể, đặc biệt là với Ủy ban kế hoạch, các ngành quản lý sản xuất chính: công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, xây dựng và Liên hiệp công đoàn thành phố đề bàn kế hoạch kết phối hợp công tác, như xây dựng và xét duyệt kế hoạch kinh tế của thành phố song song với kế hoạch khoa học kỹ thuật, bàn biện pháp kết phối hợp đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, kết phối hợp chỉ đạo phong trào sáng kiến v.v... Ban rất coi trọng vấn đề sơ kết, tổng kết từng mặt công tác để rút kinh nghiệm, bổ khuyết công tác.

3. Chúng tôi hết sức tranh thủ sự chỉ đạo của Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước, sự giúp đỡ của các vụ, viện trực thuộc Ủy ban KHKT Nhà nước và các vụ, viện, các cơ quan nghiên cứu KHKT, các trường đại học, nhất là những cơ sở trung ương đóng ở địa phương.

4. Chúng tôi rất quan tâm nâng cao tính pháp lý của công tác KHKT bằng cách: với những văn bản của Nhà nước và các bộ ban hành về công tác KHKT, chúng tôi có nhiều biện pháp quán triệt đến các cơ sở, bên cạnh đó còn nghiên cứu đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố ban hành những văn bản của địa phương để đẩy mạnh các hoạt động KHKT như QĐ 432 quy định chức năng nhiệm vụ Ban khoa học và kỹ thuật Hải Phòng, Nghị quyết số 20 về quản lý chất lượng, quản lý đo lường, Quy định số 148 về công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và khen thưởng vật chất, Điều lệ tạm thời về khen thưởng sáng kiến trong khu vực kinh tế tập thể v.v.

HỎI: Đề triển khai tốt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và Nghị quyết 37 của Bộ chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật, theo ý đồng chí Ban khoa học và kỹ thuật Hải Phòng sẽ phát huy thành tích đã đạt được như thế nào?

TRẢ LỜI: Hiện nay Thành ủy Hải Phòng cũng đã phát động các ngành các cấp kiểm điểm và tổng kết công tác KHKT trong 5 năm qua và đề ra nhiệm vụ của các ngành, các cấp trong thời gian tới. Thành ủy Hải Phòng cũng sẽ ban hành Nghị quyết công tác KHKT trong 5 năm tới của địa phương. Chúng tôi đang cùng với các cơ quan tổng hợp của thành phố làm tham mưu cho Thành ủy về vấn đề này. Bên cạnh đó chúng tôi đang cùng Ủy ban kế hoạch thành phố chỉ đạo việc huy động đông đảo lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế và cán bộ quản lý tham gia xây dựng kế hoạch 5 năm của địa phương, xác định các luận cứ khoa học của các chỉ tiêu kinh tế và xác định các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật và các tiến bộ kỹ thuật mới cần ứng dụng để đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu đó một cách chắc chắn. Những kết luận của Hội nghị tổng kết công tác khoa học kỹ thuật địa phương lần này là những cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác khoa học kỹ thuật giúp thêm điều kiện cho chúng tôi hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ.

HỎI: Hải Phòng là quê hương của phong trào khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp. Vậy theo đồng chí, qua kinh nghiệm ở địa phương, công tác KHKT cần làm gì để đáp ứng phong trào này?

TRẢ LỜI: Vấn đề này rất mới và rất phong phú, phải từng bước vừa rút kinh nghiệm và bổ sung trong công tác. Chúng tôi nhận thức rằng đưa khoa học kỹ thuật vào HTX nông nghiệp khi thực hiện cơ chế quản lý khoán sản phẩm cho người lao động là một yêu cầu tất yếu nhằm đảm bảo cho người lao động thực hiện và vượt được mức khoán. Hoạt động khoa học kỹ thuật còn là biện pháp, là công cụ của Ban quản trị để thực hiện được các khâu điều hành trong cơ chế khoán sản phẩm.

Để đáp ứng được vấn đề này, trước hết phải xây dựng tổ chức chuyên trách công tác khoa học kỹ thuật của HTX. Đó là tiểu ban khoa học kỹ thuật. Tiểu ban này chỉ cần 3 người, phụ trách 3 mặt công tác: trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề, kết hợp với các đội sản xuất cơ bản, đội chuyên thành một hệ thống quản lý chỉ đạo mọi mặt hoạt động khoa học kỹ thuật của HTX. Ở huyện cần có một tổ chức quản lý khoa học kỹ thuật gọn nhẹ để quản lý, chỉ đạo các tiểu ban KHKT của các hợp tác xã.

Về nội dung, đối tượng và biện pháp hoạt động, căn cứ vào yêu cầu thực tế của từng HTX mà đề ra cho thích hợp. Song đại thể một số mặt công tác sau đòi hỏi tác động của khoa học kỹ thuật:

(Xem tiếp trong 32)

CÔNG TÁC NĂM 1981 CỦA ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THÁI BÌNH

LÊ TRÌNH

NĂM 1981, chúng tôi đã cố gắng thực hiện các nhiệm vụ:

1. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 37 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VỀ CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT.

1. Nghiên cứu Nghị quyết

Đã giúp Ban thường vụ tỉnh ủy đề chỉ đạo việc tổ chức nghiên cứu học tập một cách nghiêm túc đi đôi với xây dựng được Chương trình hành động khoa học kỹ thuật (KHKT) của các ngành các cấp.

Ủy ban chúng tôi và cùng Ban khoa giáo tỉnh ủy đã tổ chức một cuộc tọa đàm với trên 60 cán bộ KHKT «đầu đàn» của toàn tỉnh đề các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh gặp gỡ anh chị em, trực tiếp nghe họ phát biểu, liên hệ đánh giá tình hình công tác KHKT của địa phương thời gian qua, góp ý kiến về phương hướng nhiệm vụ phát triển KHKT trong thời gian tới.

Từ những ý kiến của cuộc tọa đàm, kết hợp với tình hình đã theo dõi từ trước và tài liệu tổng kết 20 năm hoạt động KHKT của Ban, chúng tôi đã biên tập văn bản kiểm điểm tình hình hoạt động KHKT của địa phương những năm qua và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho những năm tới theo tinh thần Nghị quyết 37, văn bản này đưa ra ban thường vụ tỉnh ủy thảo luận khi thường vụ nghiên cứu Nghị quyết 37. Sau khi chính lý nó đã trở thành văn bản chính thức của thường vụ tỉnh ủy đề các ngành, các cấp dựa vào đó mà kiểm điểm, thảo luận và đề ra chương trình hành động KHKT cụ thể của mình.

Lãnh đạo các cấp, các ngành đã tổ chức cho đảng viên, cán bộ KHKT, công nhân kỹ thuật và cán bộ công nhân viên chức khác nghiên cứu học tập Nghị quyết 37 với các hình thức khá

phong phú. Đến nay, các ty ngành cấp tỉnh đã cơ bản nghiên cứu xong và đề ra các chương trình hành động cụ thể đưa vào đề án công tác và kế hoạch KHKT năm 1982, Cấp huyện đang chuẩn bị và trong tháng 5-1982 sẽ nghiên cứu xong. Sau đó triển khai xuống các cơ sở HTX. Với cách tổ chức nghiên cứu Nghị quyết trên đây không những về nhận thức mà cả về hành động của các ngành (cả ngành chuyên môn kỹ thuật và ngành tổng hợp) cũng có những chuyển biến cụ thể.

2. Một số công việc đã làm 1981 và đang làm trong năm 1982.

- Xác định mục tiêu KHKT

Các ty, ngành quản lý kinh tế - kỹ thuật, sau khi nghiên cứu Nghị quyết 37 đã vận dụng vào điều kiện cụ thể của mình, xem xét những khâu trọng yếu nhất trong sản xuất của ngành, đồng thời căn cứ vào tiềm lực và khả năng thực tế để chọn mục tiêu KHKT. Đến nay tổng cộng các ngành đã chọn 20 mục tiêu KHKT và đang triển khai thực hiện từng bước các mục tiêu đó.

Đối với tỉnh, sau khi tranh thủ ý kiến nhiều cán bộ KHKT, cán bộ lãnh đạo các ngành, đồng thời căn cứ vào các mục tiêu KHKT của ngành, dựa vào phương hướng phát triển kinh tế của địa phương trong thời gian tới, chúng tôi đã dự kiến chọn 5 mục tiêu KHKT của toàn tỉnh gồm: 3 mục tiêu về nông nghiệp, 1 mục tiêu về công nghiệp, 1 về đời sống. Những mục tiêu này sẽ trình Tỉnh ủy quyết định và được cụ thể hóa hơn trong nội dung kế hoạch KHKT 5 năm (1981 - 1985) cũng như đưa vào phương hướng nhiệm vụ KHKT trong đề án đưa ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh thời gian tới.

- Xây dựng kế hoạch KHKT năm 1982

1. Trích báo cáo tham luận tại Hội nghị tổng kết hoạt động KHKT địa phương 1981, Đà Nẵng, tháng 4-1982

Chúng tôi cho đây là khâu chủ chốt nhất trong các hoạt động KHKT, do đó đã vận dụng tinh thần Nghị quyết 37 và Nghị định 263 - CP về kế hoạch hóa KHKT để xây dựng kế hoạch KHKT năm 1982. Tuy chưa hoàn chỉnh, song đã có một số tiến bộ so với các năm trước đây. Chúng tôi đã bàn với Ty tài chính xây dựng dự án ngân sách đầu tư các hoạt động KHKT nằm trong kế hoạch năm 1982, dự án này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong kỳ họp đầu tháng 2-1982. Bước đầu đã gắn được kế hoạch KHKT với kế hoạch kinh tế, Ủy ban kế hoạch đã cùng Ủy ban KHKT thảo luận dự án chỉ tiêu kế hoạch kinh tế trước khi trình Thường vụ tỉnh ủy quyết định các chỉ tiêu về áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất. Đối với các sản phẩm giao trong kế hoạch, chúng tôi cũng đã thống nhất với Ủy ban kế hoạch và các ngành liên quan về những chỉ tiêu, mức độ quy định về chất lượng sản phẩm.

- Kiểm kê khảo sát tình hình cán bộ KHKT.

Đã được bắt đầu thực hiện từ cuối năm 1981, do Ban tổ chức tỉnh ủy chủ trì. Chúng tôi đã thống nhất biểu mẫu thống kê cũng như nội dung khảo sát tình hình, nhằm vừa nắm được số lượng đầy đủ vừa đánh giá được chất lượng đội ngũ cán bộ KHKT trong tỉnh để có kế hoạch bố trí sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách cán bộ tốt hơn.

Qua tiến hành ở một số nơi, sơ bộ đánh giá trình độ năng lực cán bộ KHKT so với yêu cầu công tác thực tế thì số khá giỏi khoảng độ 20% và quá kém trên dưới 30%, còn lại là trung bình.

- Đưa tiến bộ KHKT vào sản xuất nông nghiệp trong điều kiện khoán mới.

Năm 1981, chúng tôi đã tổ chức cho một số cán bộ KHKT đi khảo sát 10 HTX gồm đủ cả khá, trung bình và kém để tìm kiếm xem trong điều kiện khoán mới những mặt tốt và chưa tốt của việc đưa tiến bộ KHKT vào sản xuất như thế nào. Khảo sát cho thấy: trong điều kiện khoán mới, các tiến bộ KHKT đưa vào sản xuất có nhiều thuận lợi, vì người nông dân rất muốn có những cái mới để đưa năng suất lên cao. Nhưng một vấn đề lớn là cơ chế áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất như thế nào cho phù hợp, nhất là quan hệ giữa pháp lý của tập thể và quyền chủ động của người lao động về từng khâu trong sản xuất. Mặt khác cũng thấy ở những nơi làm không đúng tinh thần chỉ thị 100 của Trung ương thì có nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện các kỹ thuật tiến bộ. Chúng tôi đã tập hợp được một số kinh nghiệm của các HTX tiên tiến, nhưng chưa kết luận. Sắp tới chúng tôi sẽ tổ chức một cuộc tọa đàm có chuẩn bị chu đáo, qua đó sơ bộ kết luận và

phổ biến cho nhân dân các HTX trong toàn tỉnh tham khảo rồi tiếp tục theo dõi rút kinh nghiệm.

- Ban hành một số quy định có tính chất pháp lý của địa phương để đẩy mạnh các hoạt động KHKT.

Chúng tôi đã cụ thể hóa Quyết định số 175-CP về ký kết hợp đồng kinh tế trong nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật thành quy định của địa phương để phù hợp với tình hình thực tế, văn bản đã chuẩn bị xong, đang tập hợp thêm ý kiến tham gia của các ngành liên quan, chuẩn bị trình thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh thảo luận và quyết định cho ban hành. Đây cũng là vấn đề thực tế đang đòi hỏi. Hiện tại, ngành nông nghiệp của tỉnh đã triển khai một số cơ sở, mặt tích cực thể hiện rõ, nhưng cũng không tránh khỏi có tiêu cực nếu việc chỉ đạo thực hiện không chặt chẽ. Chúng tôi đang dự thảo quy chế về xử lý các sai phạm về chất lượng sản phẩm và đo lường của địa phương, nhằm đề cao tính pháp lý của quản lý nhưng phù hợp với tình hình thực tế, kịp thời nhưng thận trọng, có tác dụng tích cực đối với sản xuất.

- Xây dựng và kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý KHKT từ tỉnh xuống cơ sở. Cơ quan chúng tôi đang được kiện toàn, chủ yếu không phải là tăng thêm biên chế mà là sắp xếp bố trí lại, tăng cường thêm chất lượng cán bộ, xác định rõ hơn chức năng nhiệm vụ, cải tiến phương thức làm việc và quản lý để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác. Chúng tôi đã xây dựng xong một số đề án về tổ chức như thành lập và kiện toàn hội đồng KHKT tỉnh và các ngành, xây dựng tổ chức mạng lưới quản lý KHKT của các ngành và cơ sở sản xuất... sẽ trình Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt trong thời gian sắp tới. Đồng thời chúng tôi cũng xây dựng đề án nghiên cứu một huyện thí điểm về nội dung hoạt động và tổ chức quản lý KHKT trên địa bàn huyện, vấn đề này cần được nghiên cứu gắn liền với yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của huyện và phải có sự phối hợp của những ngành có liên quan của tỉnh. Cố gắng cuối năm 1982 sẽ kết thúc, sau đó rút kinh nghiệm, tổng kết rồi mới nhận ra toàn tỉnh.

II. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 31-CP VỀ «SÁNG KIẾN SÁNG CHẾ»

Về nhận thức: Chúng tôi đã tổ chức giới thiệu nội dung Điều lệ sáng kiến - sáng chế mới trong nhiều hội nghị lớn của tỉnh như: Hội nghị tổng kết sáng kiến toàn tỉnh 5 năm (1976 - 1980), Hội nghị bồi dưỡng cán bộ các tổ, đội lao động XHCN. Ngoài ra còn giới thiệu cho cán bộ KHKT, công nhân kỹ thuật của các

ngành và các cơ sở sản xuất. In typô 500 cuốn bao gồm Nghị định 31/CP, điều lệ mới và bản hướng dẫn của Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước cung cấp cho các ngành và cơ sở. Sắp tới sẽ tổ chức những lớp ngắn ngày để bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác sáng kiến ở các cấp, các ngành trong tỉnh. Chúng tôi đã tổ chức xét khen thưởng một số sáng kiến trong năm 1981 theo Nghị định 31-CP và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp xét khen thưởng cho ngành, huyện và cơ sở. Đối với nông nghiệp, năm 1982 sẽ tổ chức thúc đẩy phong trào ở một huyện điển rút kinh nghiệm chung.

III. CÔNG TÁC THÔNG TIN PHỔ BIẾN KHKT

Trong năm 1982, chúng tôi sẽ xây dựng mạng lưới thông tin ở các ngành nông nghiệp, y tế, giáo dục, chuyển nhiệm vụ xuất bản tài liệu phổ biến KHKT thông thường, gọn nhẹ cho các ngành đó đảm nhiệm. Tăng cường tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề KHKT cho cán bộ, kết hợp chặt chẽ với hoạt động của thư viện. Phối hợp chặt chẽ công tác thông tin với công tác quản lý nghiên cứu KHKT và áp dụng tiến bộ KHKT ngay trong nội bộ cơ quan.

IV. CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN - ĐO LƯỜNG - KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Từ cuối năm 1981 chúng tôi đã làm rõ nét lại toàn bộ các tiêu chuẩn kỹ thuật đang áp dụng đối với các sản phẩm hàng hóa trong tỉnh và đề nghị cho ngoại lệ đối với những chỉ tiêu chưa đủ điều kiện áp dụng. Trên cơ sở đó tiến hành việc quản lý thực hiện chặt chẽ, tránh gò bó chủ quan, quản lý hình thức. Công tác kiểm

tra chất lượng sản phẩm cũng đi vào trọng điểm, không tản mạn, đề cao tính pháp lý kết hợp với đưa ra dư luận quần chúng để phê phán. Kết hợp giữa công tác quản lý với việc đi sâu nghiên cứu giúp đỡ cơ sở trong sản xuất nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm. Chúng tôi đã triển khai thực hiện Quyết định số 1029 đến các huyện, thị, kết hợp với Ban liên hiệp xã tổ chức được 1 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác đăng ký chất lượng sản phẩm của huyện, thị và đã nghiên cứu đề phân cấp trách nhiệm đăng ký giữa tỉnh, huyện. Công tác quản lý đo lường đang được hình thành ở huyện thị. Đến nay ở mỗi huyện đã có một cán bộ đo lường, tiêu chuẩn, một tổ sửa chữa cân. Số anh em này đã được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Chúng tôi đang lo củng cố, nâng cao tay nghề để tiến tới đề nghị phân cấp quản lý đo lường và chất lượng sản phẩm cho cấp huyện, thị.

Chúng tôi xin đề nghị Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước mấy vấn đề:

- Giúp đỡ và cùng chúng tôi nghiên cứu vấn đề xây dựng kế hoạch KHKT từ cơ sở gắn với kế hoạch kinh tế - xã hội đề kế hoạch KHKT thực sự là căn cứ, là đòn bẩy của kế hoạch kinh tế từ cơ sở.

- Giúp đỡ nghiên cứu về tổ chức hoạt động và quản lý KHKT ở cấp huyện bao gồm cả các mặt: đo lường, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, đưa tiến bộ KHKT vào sản xuất...

- Giúp đỡ nghiên cứu tìm ra cơ chế của vấn đề đưa tiến bộ KHKT vào sản xuất một cách nhanh rộng và có hiệu quả.

- Giúp trang thiết bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các hoạt động KHKT.

Trả lời phỏng vấn của Tạp chí...

(Tiếp theo trang 29)

- Công tác giống cây trồng và vật nuôi.
- Nguồn phân bón hữu cơ và vô cơ.
- Nguồn nước và cách sử dụng nguồn nước có ích.
- Phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng và vật nuôi.
- Các biện pháp kỹ thuật sản xuất cụ thể.
- Bảo quản, sử dụng máy móc thiết bị nông nghiệp.
- Các yêu cầu về nâng cao kiến thức, đào tạo cán bộ.

Đối tượng đòi hỏi tác động của khoa học kỹ thuật ở HTX chủ yếu là những người xã viên

trực tiếp lao động, cán bộ lãnh đạo của xã và HTX.

Các hình thức hoạt động chủ yếu là đẩy mạnh công tác thông tin, phổ biến KHKT; bằng mọi hình thức như nói chuyện, phát thanh, phân phát những tài liệu mỏng, ngắn, gọn từng vấn đề, kịp thời tập huấn kỹ thuật, làm ruộng thí nghiệm, tham quan thực tế, chiếu phim khoa học. Đồng thời từng bước đưa công tác ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào cấp huyện và hợp tác xã, đưa công tác quản lý kỹ thuật vào HTX. Chú trọng các mặt quản lý đo lường, quản lý quy trình sản xuất, quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật. Quan tâm chỉ đạo công tác khen thưởng sáng kiến.

KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG (*)

NGÔ PHÚ

NĂM 1981, Quảng Nam-Dà Nẵng đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội; giá trị sản lượng công nghiệp đạt 106% tăng 20% so với 1980; lương thực đạt 108,8% với năng suất lúa 29 tạ/ha/vụ và bình quân đầu người 330 kg; đàn trâu tăng 3,4%, bò: 6,1%, lợn: 8,7%, gia cầm: 16,2%, giao thông vận tải đạt 101% tấn và 150% tấn/km, 204% lượt hành khách và 154% lượt hành khách/km; xây dựng cơ bản đạt 123,4%; xuất khẩu ngoại thương đạt 100%, trong đó xuất qua cảng ứng tàu biển đạt 150%; thu mua năm nguồn hàng đạt 125%; nghĩa vụ lương thực đạt 122% kế hoạch, tăng 20% so với 1980.

Đóng góp vào thành tích chung của Tỉnh có phần hoạt động tích cực của lực lượng khoa học kỹ thuật, thể hiện ở các hoạt động trong phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất, nghiên cứu thí nghiệm thích nghi ứng dụng các kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất và đời sống, quản lý công tác tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và công tác thông tin khoa học kỹ thuật.

Phong trào sáng kiến 2 năm, 5 năm và năm 1981 của Tỉnh vừa qua đã thực sự góp phần giải quyết các khó khăn trong sản xuất, kinh doanh. Riêng trong năm 1981, Tỉnh đã có 915 sáng kiến được công nhận với hiệu quả làm lợi 2114 nghìn đồng. Hoạt động nghiên cứu thích nghi và ứng dụng các kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất đã làm tăng năng lực sản xuất, mở rộng nguồn hàng, tiết kiệm nguyên - nhiên - vật liệu. Đã xác định được tính thích nghi, quy trình sản xuất và mở rộng đại trà một số loại giống cây, giống con trong điều kiện khí hậu thời tiết, môi trường của các vùng trong Tỉnh. Ngành trồng trọt đã sử dụng một hệ thống cơ cấu giống lúa mới ngắn ngày, chịu sâu bệnh, đạt năng suất bình quân 2,9 tấn/ha/vụ; các vùng lúa 3 vụ đạt năng suất cả 3 vụ 10 - 15 tấn/năm; riêng các

huyện Hòa Vang - 8,36, Duy Xuyên - 9,2, Đại Lộc - 9,36 và Điện Bàn 10 tấn/ha/3 vụ/năm. Với các giống cây trồng khác cũng đã kết luận được thích nghi như các giống mía F 134, đậu nành DH-4, V74, MTD-6, cây sắn, cây dầu dổi, cây mật cưa, cây so đũa, cây đào lộn hột v.v... và đã có kiến nghị đưa chúng vào kế hoạch phát triển trong các năm tới. Trong số 16 cây được liệu di thực vào Quảng Nam-Đà Nẵng đã kết luận dương quy và sinh địa có khả năng thích nghi và đang xây dựng quy trình kỹ thuật.

Ngành chăn nuôi mở rộng tiến bộ kỹ thuật
thụ tinh nhân tạo giống lợn Đại Bạch với nái
Móng Cái và nái địa phương; đã thụ tinh đồng
viên bò nội với bò ngoại, phát huy được ưu thế
lai F1 của đàn lợn, đàn bò địa phương. Hợp
tác xã Tam Xuân đạt trọng lượng lợn xuất
chuồng bình quân 50 kg. Quốc doanh nuôi cá
Phú Ninh ứng dụng thành công cho cá đẻ nhân
tạo và nuôi cá trong ao, ruộng, quây lưới
trong mặt nước hồ tiết kiệm được vốn đầu tư
xây dựng cơ bản cũng như diện tích đất nông
nghiệp. Xí nghiệp được phẩm đã có kỹ thuật
nuôi rắn hồ mang con.

Phát huy hiệu quả của tưới tiêu khoa học, nông lộ phơi, 25 ha của hợp tác xã Tiên Phong trong nhiều năm qua đạt bình quân 16,5 tấn/ha ở 3 vụ lúa. Ngành thủy lợi đã mở lớp huấn luyện cho 40 học viên kỹ thuật tưới tiêu khoa học, 100 ha của hợp tác xã Diên Minh vụ đông xuân 1982 đạt bình quân 6,7 tấn/ha; đặc biệt ruộng diêm của Chủ nhiệm hợp tác xã đạt 9,7 tấn/ha. Ngành thủy sản phát huy hiệu quả lưới vây rút chỉ tăng thêm 22 vòng lưới mới, kết hợp đánh cá nổi với đánh cá đáy. Nghề muối đã mở rộng diện tích muối phơi nước, thu hồi thạch cao, dùng năng lượng gió bơm nước mặn

(*) Lược trích báo cáo tham luận tại Hội nghị tổng kết hoạt động khoa học — kỹ thuật địa phương 1981, Đà Nẵng, 4-1982.

lên đồng muối. Ngành giao thông mở rộng diện sử dụng lò gazoden, sử dụng than khí hóa trong vận tải và làm chất đốt. Về năng lượng đã sử dụng tiến bộ kỹ thuật hầm khí sinh vật trong đun nấu và chạy thử máy phát điện cỡ nhỏ ở xí nghiệp phân bón hữu cơ. Ngành cơ khí nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất pittông, sơ mi, xy lanh cho xe Honda, đầu máy xe lửa, quy lát cho đầu máy xe lửa Rumani, sản xuất que hàn, cân bàn, cân treo, sửa chữa phục hồi bộ đôi bơm cao áp và phục hồi các phụ tùng máy nổ, sản xuất phụ tùng và lắp ráp xe đạp, tận dụng phụ phẩm sản xuất máy xay cá, thịt.

Trong năm qua, Quảng Nam - Đà Nẵng đã ứng dụng nhiều kỹ thuật nhằm phát triển các mặt hàng phục vụ nông nghiệp, tiêu dùng và xuất khẩu: thức ăn bổ sung cho chăn nuôi (Urozat, Mavilan, sirô sắt, SMG), sinh khối prôtein dạng bột khô dùng, phụ phẩm làm bánh phồng tôm, bột canh, mắm, sản xuất thử bia hơi, nấm ăn, đất đèn, hàng dệt kim, mùi xoa, khăn mặt xuất khẩu, tận dụng lá dừa làm giấy, sản xuất thủy tinh màu, hàng sứ, hàng mỹ nghệ, than tổ ong, gạch không nung v.v...

Trong hoạt động quản lý kỹ thuật, bên cạnh việc áp dụng các tiêu chuẩn Nhà nước đã tiến hành xây dựng tiêu chuẩn địa phương cho các ngành sản xuất và chế biến thực phẩm. Mạng lưới KCS tăng cường hoạt động kiểm tra nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng sản phẩm và hàng hóa. Tôm cá đông lạnh xuất khẩu vẫn giữ vững chất lượng, được khách hàng ưa chuộng. Các mặt hàng xuất khẩu khác như cao Sao Vàng, ván sàn, mảnh trúc v.v... vẫn được các khách hàng ngoài nước tín nhiệm. Sản phẩm của các ngành dệt, được phẩm, nhựa, thực phẩm, phụ tùng nổ có nhiều tiến bộ về chất lượng. Tỉnh cũng đã hướng dẫn việc đăng ký và quản lý chất lượng trong nghề tiêu - thủ công nghiệp theo tinh thần văn bản 1029 của Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước. Hoạt động quản lý kiểm định khối lượng và dung tích được mở rộng; các ngành thương nghiệp, lương thực, hải sản đã thực sự quan tâm xây dựng lực lượng tự quản toàn ngành. Trên 50% trong tổng số 80 xí nghiệp quốc doanh đã có tổ chức KCS có khả năng tự quản chất lượng ở cơ sở.

Công tác thông tin khoa học kỹ thuật được củng cố trong ngành y tế và mở rộng trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp và giao thông vận tải. Các ty đã có bản tin hoạt động khoa học kỹ thuật toàn ngành. Thông tin khoa học kỹ thuật đã kết hợp chặt chẽ với các ngành văn hóa, thông tin, báo chí trong tỉnh đăng tin các kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Hoạt động chiếu phim phổ biến khoa học đang được mở rộng trong nông thôn; thư viện khoa học kỹ

thuật được bổ sung thêm nhiều sách báo, tạp chí mới. Mạng lưới thông tin khoa học kỹ thuật đang được củng cố, cung cấp cho tờ thông tin các ấn phẩm định kỳ và chuyên đề cần thiết cho các đề tài liên quan đến nền kinh tế - kỹ thuật địa phương như chuyên đề đầu tằm, đầu nanh, lạc, cây so đũa, chuyên đề các kỹ thuật tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu v.v...

Trong năm qua Quảng Nam - Đà Nẵng đã triển khai tốt Nghị quyết 37 của Bộ chính trị trung ương Đảng về chính sách khoa học và kỹ thuật. Tỉnh ủy triệu tập hội nghị tỉnh ủy mở rộng đến các ty, ban ngành xung quanh tỉnh và các huyện thị, thành phố phổ biến toàn văn Nghị quyết 37; đồng chí Bí thư tỉnh ủy truyền đạt nội dung những tinh thần cơ bản của Nghị quyết. Sau đó, Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho Ban khoa giáo tỉnh ủy phối hợp với Ủy ban khoa học và kỹ thuật tỉnh cùng với Bí thư ban cán sự các ngành xây dựng bản nghị quyết cho Tỉnh ủy và chuẩn bị văn bản báo cáo việc thi hành cho Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo chương trình hành động của các ngành. Tại hội nghị triển khai Nghị quyết, đồng chí Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh truyền đạt toàn bộ Nghị quyết 23 của tỉnh ủy và về việc thi hành Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị; đồng chí Bí thư tỉnh ủy xác định trách nhiệm thực hiện nghị quyết cho các cấp, các ngành; đồng chí thường vụ tỉnh ủy, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân đọc báo cáo tổng kết công tác KHKT trong các năm qua, đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động khoa học 5 năm 1981 - 1985 và các năm 1986 - 1990, giao trách nhiệm cho các ngành xây dựng các chương trình và kế hoạch hoạt động KHKT của ngành mình theo phương hướng chung của tỉnh.

Các ngành quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội được chuẩn bị ý kiến trước đã phát biểu đánh giá hoạt động KHKT của ngành mình vừa qua và đề xuất các phương án, biện pháp thực hiện Nghị quyết 37 và Nghị quyết 23 của Tỉnh ủy về công tác KHKT trong các năm sắp đến. Thành phố Đà Nẵng và huyện Quế Sơn cũng được mời phát biểu về công tác KHKT ở địa bàn nông thôn và thành phố.

Sau hội nghị, Ủy ban khoa học và kỹ thuật tỉnh tổng hợp ý kiến xây dựng kế hoạch năm 1982 của các ngành chủ động trao đổi với Ủy ban kế hoạch tỉnh thống nhất đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt các kế hoạch nghiên cứu thí nghiệm khoa học kỹ thuật, kế hoạch ứng dụng tiến bộ KHKT, kế hoạch chất lượng sản phẩm cho các ty, ngành ở tỉnh, kế hoạch ứng dụng các đề tài tiến bộ kỹ thuật cho các huyện.

Thi hành chỉ thị 138 của Thủ tướng, theo đề nghị của Ủy ban khoa học và kỹ thuật tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ra chỉ thị 01 ngày 2-1-1982

quy định 10 nhiệm vụ và công tác phải tiến hành, giao trách nhiệm cho thủ trưởng ty, ban, ngành và chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thị trấn, thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 23 của Tỉnh ủy. Ủy ban KHKT tỉnh đã cùng với Ban khoa giáo tổ chức truyền đạt Nghị quyết 23 của Tỉnh ủy, tinh thần nội dung Nghị quyết 37 của Bộ chính trị cho các ngành ở tỉnh và các huyện Quế Sơn, Duy Xuyên, Điện Bàn và nhắc nhở các huyện khác khẩn trương mở hội nghị quán triệt Nghị quyết 37 và Nghị quyết 23 để đánh giá hoạt động KHKT của đơn vị các năm qua xây dựng phương án thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch KHKT đã được tỉnh giao năm 1982 và chuẩn bị cả phương án kế hoạch KHKT 5 năm 1981 - 1985.

Thí hành chỉ thị 01 của Ủy ban nhân dân tỉnh đến nay các ty, ban, ngành quản lý sản xuất đều đã kiện toàn bộ phận quản lý KHKT của ngành, cử người thường trực công tác quản lý KHKT, thành lập hội đồng KHKT, hội đồng sáng kiến của ngành, tổ chức hội nghị tổng kết sáng kiến, tổng kết hoạt động KHKT các năm qua, xác định nội dung các kế hoạch KHKT năm 1982 được tỉnh giao và người phụ trách các đề tài và xây dựng các phương án, các biện pháp tiến hành các đề tài trên các địa bàn cụ thể. Một số ty đã chỉ đạo các đơn vị cơ sở trực tiếp truyền đạt Nghị quyết 23 của Tỉnh ủy và tinh thần Nghị quyết 37 của Bộ chính trị, đánh giá tình hình hoạt động KHKT vừa qua, xây dựng chương trình hoạt động KHKT năm 1982 và các năm tới cho toàn ngành và cho đơn vị cơ sở.

Gần đây một số ty, ngành, huyện đã nghiêm chỉnh chấp hành chế độ báo cáo hoạt động KHKT hàng quý cho UBKHKT tỉnh để tổng hợp, xây dựng báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo lên Hội đồng bộ trưởng cuối năm và quý 1-1982.

Song song với việc giao kế hoạch KHKT năm 1982, UBKHKT đã cùng với Ban khoa giáo, Ủy ban kế hoạch tỉnh trao đổi ý kiến chuẩn bị cho kế hoạch KHKT các năm 1983 - 1985.

Nhìn chung, công tác khoa học kỹ thuật năm 1981 đã mang nhiều sắc thái mới: tổ chức được củng cố hơn, hoạt động các mặt công tác toàn diện hơn không những chỉ ở UBKHKT tỉnh mà ở cả các ty, ban, ngành, ở nhiều đơn vị cơ sở và ở một số huyện, thị xã góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh tế - xã hội. Năm 1981 là năm đầu tiên Ủy ban nhân dân tỉnh chính thức giao kế hoạch khoa học - kỹ thuật cho các ty, ngành, các địa phương đồng thời với kế hoạch kinh tế - xã hội. Các ty, ngành, các cấp và một số đơn vị cơ sở đã triển khai Nghị quyết 23 của Tỉnh ủy, Nghị quyết 37 của Bộ chính trị, thực hiện việc thống kê khoa học kỹ thuật, tổng kết sáng kiến 5 năm và năm 1981.

Tuy nhiên kế hoạch khoa học kỹ thuật năm 1982 có chất lượng chưa cao; một số ít đề tài còn chưa chọn được người phụ trách; các yếu tố và điều kiện cần thiết và các phương án tiến hành lao động, vật tư, nguyên vật liệu chưa sẵn sàng chưa đồng bộ sẽ gây khó khăn nhất định của việc thực hiện kế hoạch KHKT trong những ngày sắp đến.

Bộ máy tổ chức quản lý khoa học kỹ thuật ở thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh chưa được ghi nhận trong địa bàn quy định của Nhà nước. Tuy được các cấp, các ngành quan tâm, nhưng đứng về mặt pháp lý. Nhà nước chưa công nhận là một cơ cấu tổ chức cần thiết. Bộ máy nghiên cứu thí nghiệm, tiếp thu và ứng dụng những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật hầu hết chưa có ở các ty, ngành, các địa phương. Cơ sở vật chất kỹ thuật các trạm, trại nông nghiệp còn nghèo nàn, các ngành khác chưa có cơ sở vật chất, kỹ thuật gì đáng kể. Việc đưa những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống còn nhiều mắc trở ngại. Tiếp thu tiến bộ kỹ thuật từ nơi khác đến phải có sự thí nghiệm thích nghi nhưng còn thiếu cơ sở thực nghiệm. Hơn thế việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật từ nơi này cho nơi khác, cho thành phần kinh tế khác có mối quan hệ phân phối khác nhau còn là vấn đề cần nghiên cứu cho thích hợp. Với cơ chế quản lý kinh tế hiện nay các ngành ngân hàng, vật tư, tài chính, chưa đảm bảo sự thuận lợi cho việc thực hiện các kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật.

★

Nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ công tác KHKT địa phương trong những năm tới, xin nêu một số vấn đề:

1. Đề nghị Hội đồng bộ trưởng giao trách nhiệm cho UBKHKTNN và UBKHKT địa phương tập hợp lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ khoa học quản lý kinh tế các ngành trực tiếp đến những xí nghiệp lớn của trung ương và địa phương hiện nay đang gặp nhiều khó khăn, không phát huy được năng lực sản xuất hiện có nghiên cứu và phân tích nguyên nhân hiện tượng trì trệ bất hợp lý không đồng bộ, đề xuất các biện pháp giải quyết. Có thể xem đây là một biện pháp ứng dụng kỹ thuật tiến bộ về quản lý, điều hành, phát huy năng lực cơ sở vật chất hiện có của đất nước đạt hiệu quả nhanh chóng (hơn cả việc đầu tư chiều sâu hay ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất vì chúng phải mất một thời gian chuẩn bị triển khai).

2. Theo Nghị quyết 23 của Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng về thi hành Nghị quyết 37 của Bộ chính trị Trung ương Đảng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng xin đăng ký với trung ương thực hiện 11 chương trình sau đây trong hai kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 và 1986 - 1990 :

- Tăng năng suất cây lúa, cây màu;
- Phát triển cây công nghiệp làm nguyên liệu cho công nghiệp tiêu dùng và xuất khẩu;
- Dâu, tằm, tơ, dệt, nhuộm;
- Chăn nuôi heo, bò, gia cầm;
- Nông - lâm kết hợp vùng núi, vùng đồng bằng, vùng đồi, vùng cát;
- Cây quế;
- Dược liệu, dược phẩm;
- Nuôi trồng thủy sản, khai thác đánh bắt, chế biến đông lạnh, tôm, cá xuất khẩu;
- Khai thác năng lượng thủy điện, khí sinh vật, gió, mặt trời;
- Giao thông vận tải, phát triển vận tải thủy;
- Vật liệu xây dựng, vật liệu không nung, nhà ở.

Trong việc hoàn chỉnh các phương án kinh tế kỹ thuật chủ yếu, góp phần xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1981 - 1985, cần có quy chế mang tính chất pháp lý của Nhà nước: khi xây dựng một công trình mới, phải tổ chức, điều tra khảo sát các yếu tố đầy đủ rồi mới lập phương án kinh tế - kỹ thuật trình duyệt.

Phương án này giao sang hội đồng KHKT chuyên đề nghiên cứu, góp ý kiến cố vấn cho UBND KHKT. UBND KHKT căn cứ ý kiến hội đồng chuyên đề, báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền xét và quyết định phê chuẩn hay bác bỏ.

3. Trong việc xây dựng và kiện toàn Ban (hoặc Ủy ban) khoa học và kỹ thuật tỉnh và hệ thống quản lý KHKT địa phương, huyện là một đơn vị kinh tế - kế hoạch tự cân đối các mặt hoạt động. Trong nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước đều xác nhận tầm quan trọng chiến lược của đơn vị huyện. Thế nhưng theo văn bản pháp lý của Chính phủ thì trong 16 đến 18 ban của huyện không có ban nào phụ trách công tác KHKT ở huyện. Tại huyện hiện nay không có một tổ chức nào chịu trách nhiệm tổng hợp, chăm lo mọi mặt công tác quản lý KHKT. Đề nghị Hội đồng bộ trưởng ra quyết định thành lập cơ quan quản lý KHKT ở cấp huyện. Tùy theo hướng biên chế hiện nay có thể thành lập ban KHKT huyện hay tổ KHKT huyện trực thuộc ủy ban nhân dân huyện do chủ tịch huyện phụ trách chung.

4. Một nguyện vọng của cán bộ KHKT trong cơ quan quản lý cũng như trong các đơn vị nghiên cứu thực nghiệm, chỉ đạo sản xuất ở địa phương là bồi dưỡng nâng cao trình độ sau đại học. Anh chị em muốn được bồi dưỡng kiến thức hàng năm, hoặc 2 - 3 năm một lần. Sau một thời gian nhất định (10 - 15 năm) công tác ở cơ sở những đồng chí có trình độ, cầu tiến bộ, chăm học tập, trình độ kiến thức được nâng cao muốn được đào tạo lên trình độ trên đại học.

Tình hình hoạt động khoa học - kỹ thuật các tỉnh và thành phố năm 1981 và những việc cần làm năm 1982

(Tiếp theo trang 22)

hành mới; có kế hoạch đề cùng với Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước rút kinh nghiệm về việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình KHKT của tỉnh, tổ chức và hoạt động của phòng tổng hợp; xác định nội dung và tổ chức quản lý KHKT ở cấp huyện...

Thưa các đồng chí.

Hoạt động KHKT ở các địa phương trong năm qua đã có những tiến bộ, song so với nhiệm vụ và tiềm lực thì còn nhiều thiếu sót.

Tại hội nghị này các địa phương có dịp trao đổi những hoạt động phong phú, những kết quả thiết thực, chúng ta sẽ thảo luận phân tích những kinh nghiệm hay để giúp cho hoạt động trong năm tới.

Trong không khí vui mừng đón chào kết quả tốt đẹp của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ năm chúng ta sẽ làm việc khẩn trương cùng nhau tìm ra những biện pháp thiết thực nhằm thúc đẩy hoạt động KHKT phát triển, góp phần thực hiện những nghị quyết của Đại hội Đảng.

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC KỸ THUẬT CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ⁽¹⁾

VÕ THỜI TRUNG

I. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA CHO CÔNG TÁC KHOA HỌC KỸ THUẬT

THÀNH phố Hồ Chí Minh là một trong những thành phố lớn nhất của cả nước, với 3,5 triệu dân, là một trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, xuất nhập khẩu, giao dịch quốc tế, có tác dụng lớn đối với cả nước, nhất là đối với các tỉnh phía nam.

Quá trình lịch sử đã tạo ra ở đây một khả năng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, với một lực lượng KHKT đông đảo và một lực lượng lao động có tay nghề khá, có thể sản xuất được nhiều sản phẩm phong phú về chủng loại.

Nông nghiệp ngoại thành mặc dù có diện tích tương đối rộng, nhưng còn nhiều bất lợi về chua mặn, bạc màu, hậu quả chiến tranh, cần phải điều tra cơ bản, nghiên cứu xác định cơ cấu cây con thích hợp, có hiệu quả, phân vùng kinh tế đúng đắn, từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật kết hợp chặt chẽ việc đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật với công tác cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp.

Công tác quản lý kinh tế cũng như xã hội đứng trước nhiều vấn đề mới khó khăn và phức tạp, phải nghiên cứu vừa tháo gỡ những ràng buộc sản xuất, lưu thông phân phối, vừa sắp xếp lại sản xuất một cách hợp lý, từng bước có đầu tư chiều sâu nhằm tăng năng suất, chất lượng, tiết kiệm và tăng thêm nhiều mặt hàng mới, mở rộng công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập.

Công tác quản lý KHKT trên địa bàn thành phố đã phân đấu có nhiều biện pháp, nhiều hình thức linh hoạt, nhạy bén để tập hợp được đông đảo lực lượng KHKT thích hợp với từng loại hoạt động, kể cả những biện pháp thúc đẩy phong trào quần chúng tiến công vào mặt trận

KHKT, sáng kiến cải tiến kỹ thuật; những chế độ chính sách bồi dưỡng khen thưởng thích hợp; đồng thời cải tiến công tác quản lý mà trọng tâm là khâu kế hoạch hóa theo chương trình mục tiêu bám sát yêu cầu sản xuất và đời sống.

II. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC

1. Từng bước cải tiến công tác kế hoạch hóa khoa học và kỹ thuật.

a). Xây dựng được kế hoạch hoạt động KHKT trên địa bàn thành phố cho năm 1980 - 1982, chủ yếu là 1981, với một số quy chế cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch KHKT từ cơ sở công ty, xí nghiệp, lên quận huyện, ngành, sở và thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố đã có văn bản pháp lý về phân cấp xét duyệt và nguồn kinh phí.

- Cấp công ty, xí nghiệp do ngành, sở xét duyệt với nguồn kinh phí của bản thân công ty xí nghiệp, chủ yếu là cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tìm nguyên liệu, phụ tùng thay thế.

Cấp ban, ngành, sở, do ban ngành sở chịu trách nhiệm là chính, có sự cân đối của Ban KHKT, Ủy ban kế hoạch thành phố, sở tài chính, với nguồn kinh phí bổ sung của thành phố.

- Cấp thành phố, do Ủy ban nhân dân thành phố xét duyệt với sự nhất trí của Ban KHKT, Ủy ban kế hoạch thành phố, Sở tài chính với nguồn kinh phí của thành phố. Các đề cương đều được bảo vệ trước một hội đồng KHKT được chỉ định.

- Xác định bước đầu mức kinh phí đầu tư cho hoạt động KHKT vào khoảng 6 triệu đồng.

1. Trích báo cáo tham luận tại Hội nghị tổng kết hoạt động KHKT địa phương 1981, Đà Nẵng, tháng 4-1982.

b) Áp dụng rộng rãi hợp đồng kinh tế trong nghiên cứu KHKT giữa cơ quan và cán bộ KHKT với các ngành và đơn vị sản xuất. Nhờ đó mà cấp nào cũng có thể tổ chức nghiên cứu KHKT theo yêu cầu của mình, không nhất thiết có đủ lực lượng.

c) Thực hiện khép kín được quá trình từ nghiên cứu đến thiết kế, chế thử và đưa vào sản xuất, lấy hiệu quả kinh tế cuối cùng để đánh giá kết quả đầu tư nghiên cứu.

Thành phố biết dựa vào các trường đại học, các viện khoa học của trung ương, tập trung lực lượng KHKT và cơ sở vật chất kỹ thuật sẵn có để triển khai nhanh các thành tựu nghiên cứu, vào sản xuất. Nhiều đề tài đã đưa vào sản xuất tốt như:

Phẩm nhuộm từ trái mận nưa (còn tiếp tục ổn định, nhất là làm ra dạng bột).

- Véc-ni cách điện
- Khí amoniac.
- Thuốc trừ sâu vi sinh.
- Dùng thủy triều để tưới tiêu tự chảy...

2. Các hình thức tổ chức và tập hợp lực lượng KHKT.

a) Tổ chức Công ty dịch vụ kỹ thuật, với nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu xây dựng các phương án kinh tế - kỹ thuật - xã hội làm căn cứ để đầu tư sản xuất trong nông nghiệp, công nghiệp của thành phố và các tỉnh bạn, kể cả phần thiết kế kỹ thuật và chỉ đạo thực hiện cho đến khi đạt yêu cầu. Công ty có độ 100 cán bộ KHKT trong biên chế, nhưng nhờ có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức và cá nhân ngoài công ty, nên có thể đảm đương nhiều công trình phức tạp, có nội dung tổng hợp rộng lớn. Nhiều phương án kinh tế - kỹ thuật - xã hội đã đưa vào thực hiện có kết quả tốt như:

- Phương án vùng lúa năng suất cao của tỉnh Tiền Giang phân đầu đạt 10 tấn/ha/năm trên diện tích 40000 ha.

- Phương án vùng lúa năng suất cao của huyện Bình Chánh thành phố Hồ Chí Minh.

b) Tổ chức trung tâm nghiên cứu sản xuất thử: là một loại mô hình nhỏ của một liên hiệp khoa học - sản xuất, nhằm khép kín từ khâu nghiên cứu, thiết kế, chế thử đến sản xuất đại trà.

Trung tâm đã tập trung vào khâu xây dựng các xí nghiệp sản xuất thử khá hoàn chỉnh với 3 mũi nhọn: công nghiệp hóa màu, công nghiệp vi sinh, cơ khí chính xác - điện tử, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các trường đại học, các viện khoa học để tạo điều kiện đưa nhanh vào sản xuất những thành tựu KHKT đã được kết

luận trong phòng thí nghiệm. Những kết quả bước đầu đã đạt được với dạng mô hình này là:

- Phẩm nhuộm từ trái mận nưa.
- Dầu ủ đậy diệt bao bố (bao tải).
- Véc-ni cách điện.
- Meo nấm.
- Cồn chạy xe.
- Khi biogaz (chưa đưa ra đại trà)...

Sở nông nghiệp cũng đang hình thành dạng mô hình này với tổ chức Viện nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật nông nghiệp, bước đầu với mấy cơ sở thực nghiệm lúa, rau, heo, gà; sở lâm nghiệp và thủy sản với các trạm giống cây, trạm giống tôm cá.

c) Đã tận dụng nhiều hình thức tập hợp khác có hiệu quả như:

- Tập hợp theo các chương trình và đề tài nghiên cứu KHKT đã được thông qua.

- Mạng lưới cộng tác viên để phục vụ nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa, xác minh sáng kiến, thông tin khoa học kỹ thuật, báo khoa học phổ thông, nội san khoa học và phát triển.

- Trong các đợt tổng kết KHKT như hội nghị khoa học nông lâm ngư nghiệp thành phố, đã tập hợp được hầu hết các nhà KHKT trong lĩnh vực này đang công tác trên địa bàn thành phố.

- Các cuộc hội thảo KHKT để đóng góp cho những chủ trương lớn như dự thảo Nghị quyết của thành phố và trung ương xây dựng đập thủy điện Trị An.

- Các câu lạc bộ khoa học, Hội y học, khoa học tuổi trẻ, có sinh hoạt tương đối đều đặn.

3. Quản lý tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng.

Ngoài việc giúp đỡ các ngành kinh tế - kỹ thuật, các công ty xí nghiệp, chúng tôi đã xây dựng hệ thống quản lý 3 mặt công tác, bao gồm:

- Mạng lưới các phòng thí nghiệm (13 cơ sở), các viện, các trường đại học trên địa bàn thành phố để hỗ trợ trong công tác phân tích, kiểm nghiệm tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa quá nhiều về số lượng cũng như chủng loại của thành phố.

- Mạng lưới các trạm về 3 mặt công tác ở các quận, huyện chủ yếu là tăng cường quản lý ngành tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn các quận, huyện quá rộng lớn. (Năm 1981, sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở nhiều quận đã lên đến hàng trăm triệu đồng).

- Các cơ sở sản xuất và sửa chữa cán.

- Cho ban hành chế độ đăng ký nhãn hiệu về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa đồng thời với đăng ký kinh doanh hành nghề:

năm 1981 đã đăng ký được 547 mặt hàng của 3914 cơ sở.

— Tổ chức triển lãm chất lượng sản phẩm hàng hóa có bình xét khen thưởng huy chương, bằng khen, tiền, để thực hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật, giáo dục, khen thưởng, xử lý hành chính trong quản lý chất lượng.

4. Quản lý sáng kiến — sáng chế.

— Trước khi có Nghị định 31-CP, thành phố đã tạm ban hành chế độ khen thưởng sáng kiến, sáng chế trích từ hiệu quả kinh tế làm ra; với mức cao nhất là 10 000 đ bao gồm tất cả các công ty, xí nghiệp, viện, trường đang hoạt động trên địa bàn thành phố, gây được sự phấn khởi đều khắp.

— Khi có Nghị định 31-CP, thành phố đã tổ chức triển khai sâu rộng, hướng dẫn thực hiện chu đáo, in các biểu mẫu và tài liệu cung cấp cho các cơ sở; cho ra văn bản phân cấp khen thưởng cho công ty, xí nghiệp, ban, ngành, sở và cấp thành phố, để xét khen thưởng kịp thời.

— Phối hợp với Liên hiệp công đoàn, Ban thi đua thành phố, đã tổ chức được đại hội sáng kiến, đại hội thi đua xây dựng và nhân điển hình tiên tiến.

— Giúp đỡ Thành đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức lực lượng thanh niên xung kích tiến công vào mặt trận KHKT ở cơ sở công ty, xí nghiệp.

— Bắt đầu tiếp nhận và xây dựng kho bằng mô tả sáng chế phát minh của Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước cấp.

5. Thông tin KHKT.

— Thường xuyên duy trì được tờ tin, báo cáo chuyên đề KHKT, chiếu phim KHKT tại Câu lạc bộ KHKT và trên đài truyền hình, mở rộng đến Câu lạc bộ các quận, huyện và cơ sở khác, kể cả một số tỉnh bạn.

— Báo khoa học phổ thông ra đều mỗi tháng 2 kỳ với số lượng tăng đến 50 000 tờ và thêm được tờ phụ bản hàng tháng.

— Bắt đầu ra thử tờ nội san «Khoa học và phát triển», để cung cấp cho lãnh đạo và cán bộ quản lý, nghiên cứu, những kết quả nghiên cứu thiết thực của thành phố.

— Lên được tổng thư mục các tạp chí, tài liệu KHKT của các thư viện trên địa bàn thành phố để tạo điều kiện trao đổi tư liệu cho nhau rộng rãi hơn.

— Chuẩn bị phương án xây dựng một trung tâm thông tin KHKT trên địa bàn thành phố, có mở rộng ra để phục vụ khu vực.

III. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

1. Các hoạt động KHKT càng bám sát mục tiêu sản xuất đời sống, yêu cầu lãnh đạo và quản lý, thì càng phát huy hiệu quả cao, càng tập hợp được lực lượng rộng rãi, càng dễ thực hiện các chính sách đòn bẩy kinh tế.

Cụ thể đã thể hiện rõ trong:

— Việc huy động lực lượng KHKT xây dựng các phương án vùng lúa năng suất cao tỉnh Tiền Giang, ở huyện Bình Chánh...

— Việc huy động lực lượng KHKT chuẩn bị gần 1 năm cho hội nghị KHKT nông lâm ngư nghiệp thành phố.

— Phong trào sáng kiến cải tiến tự giải quyết nguyên vật liệu, năng lượng, tháo gỡ vướng mắc trong quản lý, trong phân phối lưu thông để đẩy mạnh sản xuất, nhất là trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thành phố.

— Việc huy động lực lượng nghiên cứu phục vụ cho công tác xuất khẩu.

2. Trong thành phố có nhiều ngành trung ương và địa phương, nhiều nguồn cán bộ KHKT, đủ các loại, cần tập hợp lại thành sức mạnh tổng hợp theo những phương thức sinh hoạt, thích hợp với điều kiện cụ thể của từng đơn vị, từng cán bộ KHKT, và từng yêu cầu công tác, với những chính sách đòn bẩy kinh tế thích đáng như:

— Tập hợp theo chương trình và đề tài KHKT

— Mô hình Công ty dịch vụ kỹ thuật

— Mô hình Trung tâm nghiên cứu sản xuất thử

— Mạng lưới cộng tác viên...

3. Lực lượng quản lý KHKT hiện nay còn đang yếu và thiếu, nhưng đối tượng quản lý thì lại đang ở tình trạng sản xuất nhỏ, phân tán rộng khắp cho nên cần có nhiều hình thức liên hiệp nhau lại để đủ sức quản lý, như:

— Mạng lưới các phòng thí nghiệm phục vụ cho phân tích kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm.

— Mạng lưới các trạm về 3 mặt công tác và sửa chữa dụng cụ đo lường ở các quận, huyện.

— Mạng lưới thông tin và câu lạc bộ KHKT trong thành phố.

— Mạng lưới cộng tác viên trong giám định chất lượng, sáng kiến, trong xây dựng kế hoạch và các phương án.

4. Mô hình «Công ty dịch vụ kỹ thuật» là một loại mô hình khai thác chất xám cao cấp có hiệu quả tốt, chủ yếu là nghiên cứu xây dựng những phương án kinh tế — kỹ thuật — xã hội tổng hợp phức tạp, có giá trị cao, để làm căn cứ khoa học vững chắc cho đầu tư kinh tế, nhờ mấy yếu tố:

- Bản thân tổ chức Công ty tinh giản gọn nhẹ bao gồm một số chuyên gia kinh tế giỏi, có khả năng phân tích tổng hợp chính xác.

- Tổ chức hậu cần của Công ty chu đáo, phục vụ kịp thời hiệu quả cho các nhà khoa học có điều kiện tập trung thời gian ít ỏi của mình vào những công việc, những khâu đòi hỏi chất lượng cao, cho nên có khả năng huy động được thời gian lao động quý giá của mọi chuyên gia có trình độ cao.

- Tập hợp được từng «kíp» đồng bộ một cách tự nguyện cho từng phương án, cho nên hiệu quả từng người và hiệu quả tổng hợp được phát huy.

- Thực hiện được linh hoạt chính sách thù lao xứng đáng cho lao động chất xám.

- Phương thức tập hợp và hợp tác nhẹ nhàng thoải mái, thích hợp với tâm lý các nhà KHKT.

5. Mô hình «Trung tâm nghiên cứu sản xuất thử» là một loại mô hình nhỏ của phương thức «Liên hiệp khoa học - sản xuất», thích hợp với thành phố nhỏ việc:

- Phối hợp chặt chẽ với các viện, các trường đại học để thừa hưởng các thành tựu KHKT trong và ngoài nước, để không phải tốn kém nhiều và rút ngắn thời gian nghiên cứu ban đầu.

- Tăng cường các xí nghiệp sản xuất thử tương đối hoàn chỉnh, đa năng, để có thể triển khai nhanh, chính xác đưa vào sản xuất các tiến bộ KHKT đã được kết luận trong phòng thí nghiệm.

6. Cần mạnh dạn phân công phân cấp trong quản lý KHKT và xây dựng những phong trào quần chúng rộng rãi tiến công vào mặt trận KHKT.

- Trong xây dựng, xét duyệt và phân bổ kinh phí nghiên cứu KHKT, cũng như xét duyệt khen thưởng sáng kiến sáng chế đã phân công, phân cấp tương đối phù hợp cho 3 cấp: thành phố; ngành, sở, quận huyện; và công ty, xí nghiệp.

- Các phong trào quần chúng trong thi đua xây dựng và nhân điển hình tiên tiến, thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, phong trào thanh niên xung kích trên mặt trận KHKT v.v..., đều là cơ sở tiếp thu nhanh tiến bộ KHKT đưa vào sản xuất.

7. Sự hợp tác rộng rãi, đúng đắn, chặt chẽ giữa các lực lượng KHKT trong thành phố, với các địa phương bạn, các bạn Việt kiều đã đem lại hiệu quả khá cao.

*
* *

Bên cạnh những kết quả nêu trên, cũng có những tồn tại cần phần đầu tiếp như:

1. Chưa xây dựng đầy đủ các chính sách cần thiết giúp cấp ủy và Ủy ban nhân dân sử dụng tốt hơn nữa lực lượng kỹ thuật tại chỗ, kể cả cán bộ ở các tỉnh phía bắc trở về.

2. Công tác KHKT có phục vụ sản xuất, nhưng việc đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất còn chậm.

3. Có tăng cường nhiều biện pháp, nhưng tình trạng chất lượng sản phẩm hàng hóa còn yếu.

SỬA LẠI

Tạp chí hoạt động khoa học số 5-1982, trang 28 dòng thứ 2 (từ dưới lên) xin đọc: Nguyễn Tiến Trinh - Ủy viên dự khuyết trung ương Đảng; dòng thứ 3 từ dưới lên) xin đọc: Nguyễn Văn Trân...

Thành thật xin lỗi bạn đọc và tác giả